

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2019/HS-ST
Ngày 28-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Ngọc Luyện.

Bà Tiêu Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Tạ Tổ U (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 19/3/1963 tại Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ngõ H, đường B, khối M, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Ngõ H1, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn S, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1940 (đã chết); có chồng là Phạm Đình D (đã ly hôn năm 1998), có 02 con sinh năm 1989 và 1994. Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Chu Thị Nguyễn P, Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Mai Thiện N. Vắng mặt.
2. Bà Đặng Thị T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/9/2010, Tạ Tổ U được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri BC 172480, sổ vào sổ cấp giấy CH-00354, thửa đất số 256, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất tại khối B, phường Đ, thành phố L. Tháng 9/2014, bị cáo đã chuyển nhượng thửa đất trên và ngày 22/12/2014, Ủy ban nhân dân thành phố L đã thu hồi và cấp mới Giấy chứng nhận cho bà Đặng Thị T. Đầu năm 2017, bà Đặng Thị T đã chuyển nhượng lại quyền sử dụng thửa đất trên cho bị cáo nhưng chưa làm thủ tục sang tên Tạ Tổ U.

Tháng 8/2017, bị cáo nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền sử dụng. Qua tìm hiểu trên mạng xã hội, bị cáo đã thỏa thuận qua điện thoại, thuê một người đàn ông tại Hà Nội làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 2.000.000 đồng. Sau khi nhận được giấy, bị cáo đã đề nghị thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho anh Mai Thiện N để vay 400.000.000 đồng; do anh Mai Thiện N yêu cầu làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất sau đó mới giao tiền nên bị cáo không vay tiền nữa và cũng không lấy lại Giấy chứng nhận giả. Đầu năm 2018, bị cáo làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên bà Đặng Thị T sang tên bị cáo và đã chuyển nhượng lại cho ông Nhữ Ngọc T.

Ngày 21/3/2019, bị cáo tiếp tục hỏi vay 600.000.000 đồng và thế chấp bằng chính Giấy chứng nhận giả mà anh Mai Thiện N đã giữ từ trước, anh Mai Thiện N đồng ý nhưng chưa giao tiền cho bị cáo. Ngày 23/3/2019, anh Mai Thiện N mang hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh thành phố L làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất thì cơ quan chức năng phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả.

Tại Bản kết luận giám định số 144/KLGD-PC09 ngày 24/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Hình dấu có nội dung "Ủy ban nhân dân thành phố L - tỉnh Lạng Sơn" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng 1 con dấu đóng ra; chữ ký mang tên Vũ Xuân D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ ký của ông Vũ Xuân D trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người ký ra; chữ ký mang tên Bùi

Văn C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ ký của ông Bùi Văn C trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 không phải do cùng một người ký ra.

Bản cáo trạng số 133/CT-VKS ngày 06/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố Tạ Tổ U về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị bổ sung Cáo trạng tại phần lý lịch xác định thêm đặc điểm nhân thân bị can là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam và đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 60-QĐ/UBKTTU ngày 20/8/2019 của Ủy ban Kiểm tra thành ủy Lạng Sơn.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Tháng 8/2017, bị cáo có ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay 400.000.000 đồng của anh Mai Thiện N; tuy nhiên, sau đó bị cáo không vay tiền nữa. Đến ngày 21/3/2019, bị cáo tiếp tục hỏi vay anh Mai Thiện N 600.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả; khi làm thủ tục thì bị phát hiện, thu giữ.

Người làm chứng bà Đặng Thị T khai: Tháng 9/2014, Tạ Tổ U đã chuyển nhượng quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận mang tên Tạ Tổ U cho bà để trừ vào khoản tiền nợ 500.000.000 đồng; ngày 22/12/2014, bà đã được làm thủ tục sang tên. Đầu năm 2017, do Tạ Tổ U trả đủ tiền nên bà đã làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất và trả bản chính Giấy chứng nhận cho bị cáo.

Người làm chứng anh Mai Thiện N khai: Tháng 8/2017, Tạ Tổ U đặt vấn đề thế chấp Giấy chứng nhận để vay 400.000.000 đồng; tuy nhiên sau đó bị cáo không vay tiền nữa. Đến ngày 21/3/2019, bị cáo hỏi vay anh 600.000.000 đồng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đưa cho anh giữ từ trước, anh đồng ý nhưng chưa giao tiền; ngày 23/3/2019, anh mang hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất thì cơ quan chức năng phát hiện giấy chứng nhận bị làm giả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét:

Áp dụng khoản 1 Điều 341, Điều 65, các điểm h, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên bố Tạ Tổ U phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; phạt tiền bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy Giấy chứng nhận giả, buộc bị cáo phải chịu án phí.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh, điều khoản truy tố và các tình tiết giảm nhẹ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên đề nghị

cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do khi được cơ quan chức năng triệu tập, bị cáo đã có thái độ chấp hành, tích cực hợp tác; từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo hình phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và không áp dụng hình phạt tiền bổ sung do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, làm mẹ đơn thân, có 02 con đã đến tuổi trưởng thành nhưng chưa có việc làm ổn định, chưa tự chủ được về tài chính. Bị cáo nhất trí, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, giữ nguyên quan điểm luận tội, không nhất trí áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do khi triệu tập bị cáo lên làm việc, cơ quan chức năng đã phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo; việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo sẽ đảm bảo tính răn đe và giáo dục đối với bị cáo đồng thời giữ nguyên đề nghị áp dụng hình phạt tiền do bị cáo phạm tội vì mục đích kinh tế.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của Tạ Tổ U tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, lời trình bày của người làm chứng, kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thu thập và thẩm tra tại phiên tòa. Sự việc bắt đầu từ tháng 8/2017, Tạ Tổ U sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri BC 172480; số vào sổ cấp giấy CH-00354, thửa đất số 256, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất tại khối B, phường Đ, thành phố L (do bị cáo thuê người khác làm giả giống với bản chính) với mục đích để vay 400.000.000 đồng của anh Mai Thiện N. Tuy nhiên sau đó bị cáo không vay tiền nữa nên hành vi này của bị cáo được xác định, đã tự ý nửa chừng chấm dứt ý định phạm tội do vậy chưa cấu thành tội phạm. Ngày 21/3/2019, do cần tiền giải quyết việc gia đình, bị cáo đã hỏi

vay anh Mai Thiện N 600.000.000 đồng và thế chấp bằng chính Giấy chứng nhận do anh Mai Thiện N vẫn cầm giữ trước đó; khi anh Mai Thiện N đến làm thủ tục nhận chuyển nhượng, sang tên thì cơ quan chức năng phát hiện các chữ ký và con dấu của cơ quan, người có thẩm quyền trên Giấy chứng nhận có dấu hiệu nghi bị làm giả.

[3] Bị cáo đã thuê người khác làm giả Giấy chứng nhận, có chữ ký và con dấu giống như thật để tạo lòng tin, nhằm mục đích vay tiền của người khác phục vụ động cơ trục lợi về kinh tế. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, gây rối loạn việc quản lý hành chính Nhà nước về quản lý giấy tờ tài, tài liệu; gây hoang mang cho người dân khi tham gia vào các giao dân sự dịch của mình... Đảm bảo căn cứ để kết luận Tạ Tổ U đã phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo có thời gian dài công tác trong lực lượng Công an nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và tham gia Hội thẩm nhân dân tại Tòa án, có nhiều đóng góp, đứng trong hàng ngũ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam gần 30 năm nhưng bị cáo đã không thực hiện đúng nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm tiên phong của người cán bộ, đảng viên trong việc đấu tranh, phòng chống tội phạm mà bản thân lại tha hóa, biến chất, nảy sinh ý định và thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong suốt thời gian dài từ năm 2017 cho đến khi bị phát hiện, thể hiện ý thức coi thường, bất chấp pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo sử dụng tài liệu giả để thế chấp vay tiền nhưng thực tế bị cáo chưa nhận được tiền, hậu quả của hành vi phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc có gây thiệt hại về tinh thần cho anh Mai Thiện N nhưng thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải; ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Tạ Văn S được đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 (01 tình tiết) Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do bị cáo có thời gian phục vụ trong lực lượng công an nhân dân, được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì. Thấy rằng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Thi đua khen thưởng quy định: "...“Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” để tặng hoặc truy tặng cho ...sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân, ***có thành tích***, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân...", theo đó, trường hợp bị cáo được tặng huy chương chiến sĩ vẻ vang chưa đủ căn cứ để xác định là "có thành tích xuất sắc" trong công tác nên không thuộc trường hợp quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuy nhiên để ghi nhận sự cống hiến của Tạ Tố U trong suốt quá trình công tác, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng đây là một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[8] Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” do khi được cơ quan chức năng triệu tập, bị cáo đã có thái độ chấp hành, tích cực hợp tác; thấy rằng: Hành vi của bị cáo đã bị các cơ quan chức năng phát hiện và triệu tập để làm rõ chứ không phải được bị cáo giúp phát hiện tội phạm và việc bị cáo khai báo thành khẩn sự việc phạm tội trong quá trình giải quyết vụ án đã được xem xét, chấp thuận khi áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[9] Về mức và cách thức thực hiện hình phạt chính: Thấy rằng hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm, đây là loại tội phạm mới trên địa bàn thành phố L, gây rối loạn trong việc quản lý hành chính nhà nước về đất đai và có thể gây hậu quả khó lường, thiệt hại to lớn cho những người liên quan khi tham gia các quan hệ giao dịch dân sự, kinh tế; tuy nhiên, bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ (03 tình tiết tại khoản 1 và 02 tình tiết tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự) và không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả thiệt hại gây ra và các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo; Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo hình phạt tù ở mức giữa của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, tự cải tạo tại địa phương nhằm đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật và tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, đồng thời cũng hoàn toàn phù hợp với đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

[10] Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, mức từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng là chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, khách thể mà hành vi xâm phạm và hậu quả, thiệt hại to lớn có thể xảy ra nếu hành vi của bị cáo không bị phát hiện đồng thời không phù hợp với điều kiện kinh tế của bị cáo theo như trình bày về hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm mẹ đơn thân nuôi dạy các con, đã nghỉ hưu.

[11] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích kinh tế nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và cần thiết. Tuy nhiên theo biên bản xác minh ngày 12/6/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Lạng Sơn có xác nhận của cơ quan chức năng, xác định bị cáo hiện nay đi ở thuê và không có tài sản riêng; tại phiên tòa, bị cáo trình bày ngoài lương hưu 7.000.000 đồng/tháng, bị cáo không có thu nhập nào khác. Xét thấy, mức thu nhập của bị cáo chỉ đủ đảm bảo sinh hoạt hàng ngày và không có tài sản khác, trong khi gia cảnh khó khăn nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền không khả thi, cần chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Do anh Mai Thiện N không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về xử lý vật chứng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bị thu giữ mang tên Tạ Tổ U là tài liệu giả, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] Đối với người đàn ông đã làm giả tài liệu, do bị cáo không biết họ tên, địa chỉ, Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được lai lịch nên chưa đề nghị xử lý trong cùng vụ án này.

[15] Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[16] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51, Điều 65, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2

Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Tạ Tổ U phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Tạ Tổ U 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BC 173480; số vào sổ cấp giấy CH-00354 mang tên Tạ Tổ U.

(Vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/8/2019).

3. Án phí: Bị cáo Tạ Tổ U phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà Nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường

